

Số: /KH-UBND

Yên Định, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn huyện Yên Định

Thực hiện văn bản số 13678/UBND-CNTT ngày 18/09/2024 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc giao xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Trên cơ sở hướng dẫn xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 của Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa tại Công văn số 2306/STTTT-CNTT ngày 25/9/2024; UBND huyện Yên Định xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn huyện với những nội dung cụ thể như sau:

PHẦN I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2024

Thực hiện Kế hoạch số 298/KH-UBND ngày 20/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về Chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 21/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 về ban hành kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025.

UBND huyện Yên Định đã xây dựng Kế hoạch và nhiều văn bản liên quan để tổ chức triển khai thực hiện, đến nay, cơ bản huyện đã hoàn thành các chỉ tiêu được giao trong năm 2024. Cụ thể:

Đã hoàn thành 27/32 chỉ tiêu; 03/32 chỉ tiêu đang được các cơ quan, đơn vị triển khai (nêu cụ thể chỉ tiêu); 01/32 chỉ tiêu chờ hướng dẫn cụ thể để tổng hợp nêu cụ thể chỉ tiêu; 01/01 chỉ tiêu chờ Sở Thông tin và Truyền thông triển khai.

(Kết quả chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2024

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn huyện.

a) Kết quả đạt được:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

+ Đã thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số từ cấp huyện¹ đến cấp xã; ban hành Quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ đạo².

+ Ban hành các Kế hoạch quan trọng về thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn huyện theo giai đoạn đến 2030 và hàng năm, điển hình như: Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030³; Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn huyện Yên Định năm 2024⁴; Kế hoạch triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025⁵; Kế hoạch Phát triển doanh nghiệp công nghệ số huyện Yên Định đến năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030⁶; Kế hoạch thực hiện Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”⁷; Kế hoạch Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện năm 2024⁸, cùng nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc công tác chuyển đổi số.

- *Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn huyện.*

Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện đã thành lập Đoàn kiểm tra công tác triển khai, thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn huyện, năm 2024⁹; tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 04/4/2024 về việc Kiểm tra công tác triển khai, thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn huyện Yên Định - năm 2024; Kế hoạch số 227/KHUBND ngày 22/12/2023 về việc Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày

¹ Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 07/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện về việc Kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện Yên Định;

² Quyết định số 07/QĐ-BCĐ ngày 18/6/2024 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện Yên Định;

³ Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

⁴ Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 12/12/2024 của UBND huyện về việc chuyển đổi số trên địa bàn huyện Yên Định năm 2024;

⁵ Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 01/7/2022 của UBND huyện về việc Triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Yên Định;

⁶ Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 16/5/2023 của UBND huyện về phát triển doanh nghiệp công nghệ số huyện Yên Định đến năm 2025 và giai đoạn 2026 – 2030;

⁷ Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 29/3/2024 của UBND huyện về Thực hiện Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn huyện Yên Định;

⁸ Kế hoạch 08/KH-BCĐ ngày 18/6/2024 của Trưởng Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện về Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện Yên Định năm 2024;

⁹ Quyết định số 06/QĐ-BCĐ ngày 06/6/2024 của Trưởng Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện về việc thành lập Đoàn kiểm tra công tác triển khai, thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn huyện, năm 2024.

02/01/2024 về việc Kiểm tra hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các xã, thị trấn năm 2024 trên địa bàn huyện.

b) Tồn tại, hạn chế:

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành ở một số đơn vị, một số lĩnh vực chưa thực sự được quan tâm. Ở cấp huyện vẫn còn tồn tại tư tưởng chuyển đổi số là nhiệm vụ của phòng chuyên môn (phòng Văn hóa và Thông tin); ở cấp xã việc lựa chọn CBCC tham mưu triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số chưa thực sự được chú trọng ưu tiên.

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

2.1. Công tác xây dựng, ban hành các chương trình/đề án/kế hoạch, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Trên cơ sở các chương trình/đề án/kế hoạch, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND huyện Yên Định đã xây dựng và ban hành các Chương trình, Kế hoạch, phổ biến các chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số tại địa phương.

(Kèm theo phụ lục 02: Danh sách các văn bản đã ban hành)

b) Tồn tại, hạn chế:

Một số lĩnh vực chưa có các hướng dẫn triển khai cụ thể, kịp thời của các sở, ngành dẫn tới công tác ban hành các văn bản triển khai thực hiện, đơn đốc, phổ biến các chủ trương, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực tại địa phương còn chậm, điển hình như:

- Chính sách về phát triển nhân lực số trong mạng lưới chuyển đổi số tại các địa phương.

- Chính sách hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và nhỏ chuyển đổi số.

- Hướng dẫn cụ thể một số chỉ tiêu về kinh tế số: Tỷ trọng kinh tế số; Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số.

- Quy định về các nền tảng, ứng dụng trong việc khám chữa bệnh từ xa.

2.2. Công tác tổ chức triển khai thực hiện

- Để tổ chức triển khai hiệu quả các chương trình/đề án/kế hoạch, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số năm 2024. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện đã ban hành Kế hoạch Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện năm 2024, Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện trong đó có giao nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ đạo, cùng nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đơn đốc công tác chuyển đổi số.

- Hằng quý, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của huyện đã tổ chức Hội nghị triển khai công tác và hội nghị chuyên đề đối với các chương trình, kế hoạch triển khai các mô hình chuyển đổi số; tham dự các Hội nghị trực tuyến với Ban

Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh.

- Phối hợp với Huyện Đoàn Yên Định cùng các tổ chức ngân hàng, các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện triển khai hiệu quả các mô hình chuyển đổi số, các chỉ tiêu, tiêu chí chuyển đổi số tại các xã, thị trấn trên toàn huyện.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được:

- Toàn huyện có 30 điểm bưu cục, cụ thể: 01 bưu điện cấp huyện, 02 điểm bưu cục cấp 3, 27 điểm bưu điện/26 xã, thị trấn. Tại các điểm bưu cục cấp xã có nhân lực phục vụ từ 1-2 người, được trang bị máy tính, đường truyền internet, các ấn phẩm sách báo..., đủ điều kiện là điểm tư vấn chuyển đổi số tại cơ sở; Bưu điện huyện triển khai, thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả thủ tục hành chính qua đường Bưu chính công ích của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang, mạng thông tin di động 4G/5G được các doanh nghiệp Viễn thông phủ đến 149 thôn, khu phố. Việc triển khai diện rộng các trạm BTS công nghệ băng rộng di động 3G, 4G đảm bảo mức độ sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng, nhà nước và nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet chất lượng cao của các doanh nghiệp, nhân dân trên toàn huyện. Toàn huyện có 151 trạm BTS (gồm các doanh nghiệp Viễn thông, Viettel, Mobifone).

- Toàn huyện có 23 hệ thống Camera/700 điểm/1443 mắt được lắp đặt tại 23 xã, thị trấn. Tỷ lệ 88,46%. Hệ thống Camera an ninh được kết nối đến UBND xã hoặc công an xã để quản lý và giám sát an toàn giao thông và an ninh trật tự.

b) Tồn tại, hạn chế:

Tốc độ đường truyền dịch vụ Internet các nhà mạng chưa đáp ứng được nhu cầu truy cập tốc độ cao khi có nhiều người cùng truy cập vào các thời điểm cao điểm.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Kết quả đạt được:

- UBND huyện đã ban hành Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, thúc đẩy hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác thông tin cơ sở, phổ cập kỹ năng số cho doanh nghiệp, người dân¹⁰; Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 29/3/2024 về việc Thực hiện Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng

¹⁰ Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 11/3/2024 về việc Bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, thúc đẩy hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác thông tin cơ sở, phổ cập kỹ năng số cho doanh nghiệp, người dân trên địa bàn huyện Yên Định, năm 2024.

lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Viễn thông Yên Định mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn trực tuyến trên nền tảng MOOCs và trực tiếp cho 393/393 học viên là cán bộ công chức, viên chức; 690 thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn huyện.

- Ban chỉ đạo Chuyển đổi số cấp huyện được thành lập và kiện toàn lại gồm 32 thành viên, cấp xã gồm 463 thành viên. Toàn huyện có 149 Tổ công nghệ số cộng đồng với 690 thành viên bố trí tại 149 thôn, khu phố.

- + Tại cấp huyện, bố trí 01 biên chế thuộc Văn phòng HĐND và UBND thực hiện nhiệm vụ chuyên trách CNTT, 01 viên chức biệt phái thuộc Phòng VHTT thực hiện nhiệm vụ tham mưu về chuyển đổi số.

- + Tại cấp xã, giao 01 công chức Văn phòng, Văn hoá thực hiện nhiệm vụ tham mưu về chuyển đổi số.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Cấp huyện: Phòng Văn hóa - Thông tin (*cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo chuyển đổi số*) chưa có biên chế CBCC thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước lĩnh vực thông tin và truyền thông, tham mưu các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Cấp xã chưa có CBCC chuyên trách về CNTT và chuyển đổi số ảnh hưởng tới công tác tham mưu cho lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ tại địa phương.

- Việc tiếp cận sử dụng điện thoại thông minh, các ứng dụng thông minh Tổ công nghệ số cộng đồng ở các địa phương còn chậm, chưa đạt hiệu quả cao trong việc hướng dẫn, hỗ trợ nhân dân.

5. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được:

- Các dữ liệu số trên địa bàn huyện đã và đang thực hiện theo chủ trương của

Trung ương, các bộ ban ngành và của tỉnh như: định danh điện tử, hồ sơ sức khỏe điện tử, BHYT, địa chỉ số, đất đai...

- Công khai thủ tục hành chính đầy đủ tại Bộ phận Một cửa từ cấp huyện đến cấp xã, tỷ lệ đạt 100%: cấp huyện có 314/314 thủ tục hành chính được công khai, và công khai thủ tục hành chính trên Trang điện tử của huyện theo địa chỉ <https://yendinh.thanhhoa.gov.vn>. Công khai đầy đủ bộ phận cấu thành TTHC, thành phần hồ sơ, địa chỉ, dễ tiếp cận, dễ khai thác, dễ tra cứu; cấp xã: 257/257 thủ tục hành chính và công khai và công khai thủ tục hành chính trên Trang điện tử của 26 xã, thị trấn.

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định) được thực hiện trên môi trường mạng;

- Tỷ lệ văn bản điện tử có ký số đạt 100%; văn bản điện tử đã thay thế hoàn toàn văn bản giấy trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện; hoàn thiện việc cập nhật CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức tại địa chỉ <https://thanhhoa.vnerv.vn/>.

- Đẩy mạnh chia sẻ, kết nối DLQG về DC với cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương tạo lập một nền tảng quan trọng để hình thành hệ điều hành công dân số, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, hoàn thành cấp 100% Căn cước công dân gắn chip, cấp trên 90.963 tài khoản định danh điện tử.

- Số hóa tạo lập dữ liệu trên nền CSDLQG về DC, như: hộ tịch, lao động xã hội, các tổ chức hội, đoàn thể phục vụ cải cách TTHC”: Đã hoàn thành nhập dữ liệu hộ tịch (131.989 dữ liệu), 16.282 thành viên Hội nông dân, 20.626 thành viên Hội người cao tuổi và 8.992 thành viên Hội Cựu Chiến binh, 206 hội viên. Hội chữ thập đỏ, 3.348 người có công và thân nhân người có công, thông tin người lao động (49.380 dữ liệu) và đang duy trì đảm bảo dữ liệu “đúng, đủ, sạch sống”.

- Mở các bộ dữ liệu dùng chung của huyện trên cổng dữ liệu mở (Open Data) của tỉnh tại: <https://opendata.thanhhoa.gov.vn/>

b) Tồn tại, hạn chế: Các bộ dữ liệu mở thuộc các ngành, lĩnh vực của huyện được chia sẻ, dùng chung trên cổng dữ liệu mở của tỉnh còn hạn chế.

6. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được:

- Hệ thống thông tin của các đơn vị thuộc quản lý của UBND huyện được triển khai đầy đủ giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng theo cấp độ được phê duyệt: 30/30 hệ thống đã triển khai, tỷ lệ 100%; các hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hệ thống thông tin tại UBND huyện đã được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin ở cấp độ 2; tại 03 đơn vị sự nghiệp gồm Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện, Trung tâm VH,TT,TT&DL huyện, Trung tâm GDNN-GDTX huyện và 26 xã/thị trấn trên địa bàn huyện đã được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin ở cấp độ 1.

- 27/27 Cổng/Trang thông tin điện tử trên địa bàn huyện đã được đánh giá, gán nhãn tín nhiệm mạng, tỷ lệ 100%.

b) Tồn tại, hạn chế:

Cấp xã chưa có CBCC chuyên trách, có trình độ chuyên môn về CNTT, ảnh hưởng tới quá trình vận, đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống.

7. Chính phủ số

a) Kết quả đạt được:

- Sử dụng có hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; Hệ thống Quản lý văn bản (Phần mềm TDOOffice),... Từ cấp huyện đến cấp xã đảm bảo 100% các văn

bản chỉ đạo điều hành, xử lý công việc được tạo lập, xử lý và lưu trữ trên môi trường điện tử.

- Thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 130 thủ tục; DVCTT một phần là 112 thủ tục; đã cung cấp trên Cổng DVC 242, đạt 100%. Tỷ lệ các thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh và được cung cấp trên các phương tiện truy cập khác nhau là 100%.

- Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường mạng và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý được thực hiện trên 60%.

- Cổng/Trang Thông tin điện tử đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ, khai thác được triển khai hiệu quả;

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất. Đạt tỷ lệ 100%;

- Tỷ lệ Hồ sơ trực tuyến/hồ sơ (Trực tuyến + Trực tiếp) của TTHC đăng ký trực tuyến: Cấp huyện: 99,91%; Cấp xã: 99,25%.

- Đánh giá mức độ hài lòng tại bộ phận một cửa của người dân và doanh nghiệp được ghi nhận trên hệ thống đạt tỷ lệ 98,33%.

- Từ cấp huyện đến cấp xã duy trì hiệu quả kênh giao tiếp với người dân trên Cổng/Trang thông tin điện tử, trên nền tảng Zalo OA để tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của người dân.

- Hoàn thành chỉ tiêu chuyển đổi số theo Quyết định số 969/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh:

- + Cấp xã: Năm 2022: 04/4 xã, thị trấn; năm 2023: huyện đã trình hồ sơ của 12 xã cho cơ quan thẩm định là Sở TT&TT (*chỉ tiêu được tỉnh giao là 06 đơn vị*); năm 2024 huyện đăng ký hoàn thành cho 10 đơn vị (*vượt chỉ tiêu được tỉnh giao*). Phấn đấu hết năm 2024, 100% các xã, thị trấn hoàn thành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã.

- + Cấp huyện: Năm 2025 huyện phấn đấu hoàn thành theo chỉ tiêu.

b) Tồn tại, hạn chế: Đa số cán bộ công chức còn hạn chế về kỹ năng sử dụng các ứng dụng CNTT nên hiệu quả và tính linh hoạt trong khai thác dữ liệu còn chưa đạt hiệu quả cao nhất.

8. Kinh tế số và Xã hội số

a) Kết quả đạt được:

Về kinh tế số

- Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, các cơ sở giáo dục, các bệnh viện, các cơ sở y tế và trong chi trả chính sách an sinh xã hội. Triển khai mô hình thanh toán hoá đơn điện tử không dùng tiền mặt: thanh toán các khoản phí, lệ phí bằng quét mã QR khi giao dịch tại bộ phận Một cửa, các khu chợ và các hộ kinh doanh,....

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh đưa các sản phẩm đặc thù, sản phẩm thế mạnh, các sản phẩm OCOP lên các sàn thương mại điện tử quảng bá, giới thiệu sản phẩm. Đến nay:

+ Có 38 sản phẩm OCOP được quảng bá, giới thiệu trên môi trường mạng, trong đó có 25 sản phẩm OCOP được đưa lên các sàn thương mại điện tử như:

<https://buudien.vn/> (trước đây là <https://postmart.vn/>) và <https://www.nongsanantoanthanhhoa.vn/>

+ Có 153/318 doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử do Viễn thông Yên Định và Viettel Yên Định cung cấp. Đạt tỷ lệ 29,54%

+ 100% Các doanh nghiệp đã sử dụng Hóa đơn điện tử.

+ Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt mức 24%.

+ Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số đạt 4,1%

Về xã hội số

- Tổng số thuê bao Internet cố định băng rộng: 29.590 thuê bao. Tỷ lệ 63,91% (29590/46302 hộ gia đình có thuê bao Internet cố định); Tổng số thuê bao điện thoại 109.7926 thuê bao. Tỷ lệ 95,93% (109.7926 / 114453 người trên 18 tuổi có thuê bao điện thoại); Tổng số smarphone sử dụng thuê bao di động là: 99,525 máy. Tỷ lệ 86,96% (99,525/114453 người trưởng thành có điện thoại thông minh).

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt tỷ lệ 96,59%. Tỷ lệ người dân sử dụng các dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe từ xa đạt trên 40%.

- Tỷ lệ người dân trên 15 tuổi có tài khoản thanh toán tại các ngân hàng trên chiếm tỷ lệ trên 75,88% (91,983/121227).

- Số lượng dân số trưởng thành có chữ ký số cá nhân khoảng trên toàn huyện là 38,427 nghìn người, tỷ lệ trên 33,58% (có 38,427/114453 người).

- Tỷ lệ sử dụng thanh toán tiền điện, tiền nước không dùng tiền mặt tại các xã, thị trấn đạt trên 60% (ước khoảng trên 27,785/46,302 hộ sử dụng).

- 65,02% (66.983/103.081 người lao động) người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản”.

- 100% trường tiểu học, THCS, THPT và các cơ sở bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn”; 100% các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở”.

- Địa chỉ số được triển khai đến tất cả các thôn, khu phố, hộ gia đình trên toàn huyện: Quản lý dân cư, tìm địa chỉ số nhà của các hộ gia đình.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Quy mô doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh nên việc lựa chọn giải pháp chuyển đổi số trong doanh nghiệp, việc ứng dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất, kinh doanh chưa được các doanh nghiệp thực sự quan tâm và triển khai hiệu quả.

- Tỷ lệ sử dụng hợp đồng điện tử trong các doanh nghiệp chưa cao, các doanh nghiệp còn nhiều băn khoăn, chưa hiểu rõ tính pháp lý của hợp đồng điện tử.

- Chỉ tiêu “Tỷ trọng kinh tế số” và “Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số”: Chưa có hướng dẫn cụ thể ảnh hưởng đến việc thống kê và tự đánh giá các chỉ tiêu.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

9.1. Ngày Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- Tập trung tuyên truyền sâu rộng về chuỗi sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia năm 2024 trên địa bàn huyện theo Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 10/9/2024 của UBND huyện¹¹;

- Phát động và triển khai “Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hoá năm 2024” trên địa bàn huyện Yên Định¹² (huyện Yên có 01 cá nhân đạt giải Nhì).

- 100% các xã, thị trấn phát động và triển khai chiến dịch ra quân “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người dân sử dụng dịch vụ, ứng dụng để phát triển kinh tế số”¹³.

- Huy động các lực lượng tham gia hưởng ứng các hoạt động ngày chuyển đổi số Quốc gia 10/10/2024: Tổ công nghệ số cộng đồng; lực lượng Đoàn thanh niên; các tổ chức ngân hàng, các doanh nghiệp viễn thông cùng các lực lượng khác đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng các nền tảng số, chữ ký số, tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu được giao¹⁴.

b) Tồn tại, hạn chế:

¹¹ Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 10/9/2024 của UBND huyện về Tuyên truyền, hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10 trên địa bàn huyện Yên Định;

¹² Công văn số 3689/UBND-VHTT ngày 04/9/2024 về việc Phát động và triển khai “Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hoá” năm 2024 trên địa bàn huyện Yên Định;

¹³ Công văn số 16/CV-BCĐ ngày 27/9/2024 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số về việc hướng dẫn và phát động và triển khai chiến dịch ra quân “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người dân sử dụng dịch vụ, ứng dụng để phát triển kinh tế số”;

¹⁴ Công văn số 4094/UBND-VHTT ngày 27/9/2024 về việc hưởng ứng các hoạt động ngày chuyển đổi số Quốc gia 10/10/2024 trên địa bàn huyện Yên Định.

Một số ít đơn vị triển khai công tác tuyên truyền chiến dịch đi từng ngõ, gõ từng nhà hưởng ứng ngày chuyển đổi số Quốc gia chưa thực sự hiệu quả.

9.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Năm 2024 huyện Yên Định đã hoàn thành mô hình thôn, xã thông minh tại 02 đơn vị: xã Định Hưng (04 thôn) và xã Định Long (02 thôn). Mô hình đã được ghi nhận đạt chuẩn theo bộ tiêu chí đánh giá về thôn, xã thông minh trong xây dựng Nông thôn mới tại văn bản số 1455/STTT-BCVT ngày 21/6/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông. Đồng thời huyện đã triển khai nhân rộng Mô hình “3 KHÔNG” và các mô hình chuyển đổi số trên toàn huyện. Một số mô hình nổi bật tại các đơn vị xã, thị trấn như;

+ Mô hình: Mã địa chỉ trên nền tảng bản đồ số (Quản lý dân cư, tìm địa chỉ số nhà của các hộ gia đình) xã Định Hưng; Định Long, Định Bình, Yên Trung, Định Tăng, Định Tân...

+ Mô hình thư viện số của các trường học tại xã Định Long, Định Hưng, Định Hải, Yên Thái; Định Tân, Yên Lâm, Định Liên....

+ Mô hình Phòng học thông minh....

+ Mô hình “5 thủ tục hành chính không giấy hẹn”, xã Yên Trung;

+ Mô hình ứng dụng phần mềm ASM khai báo lưu trú trên cổng thông tin; bản đồ nông hóa Thổ nhưỡng và dinh dưỡng cây trồng; thư viện nghe - xã Định Long.

+ Mô hình Chợ không dùng tiền mặt tại xã Định Long...

+ Mô hình “Camera với an ninh, trật tự” trên địa bàn các xã, thị trấn”;

b) Tồn tại, hạn chế:

Một số đơn vị triển khai còn chậm, triển khai chưa hiệu quả các mô hình hay, thiết thực trong đời sống như Mô hình Mã địa chỉ trên nền tảng bản đồ số (Quản lý dân cư, tìm địa chỉ số nhà của các hộ gia đình); Mô hình “Camera với an ninh, trật tự.

9.3. Công tác truyền thông về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- Công tác truyền thông thúc đẩy quá trình chuyển đổi số luôn được các cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm thực hiện và triển khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của huyện như: Đài Phát thanh huyện, Hệ thống loa truyền thanh cấp xã; Cổng Thông tin điện tử huyện, Cổng Thông tin điện tử các xã, thị trấn; Kênh giao tiếp qua ứng dụng Zalo OA. Bên cạnh đó, còn triển khai thông qua các Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương.

- Đã tổ chức chuyên mục Chuyển đổi số trên Cổng TTĐT huyện và Trang TTĐT các xã, thị trấn. Chuyên mục chuyển đổi số trên Cổng TTĐT tại địa chỉ

<https://yendinh.thanhhoa.gov.vn/portal/pages/CHUYEN-DOI-SO.aspx>, đã đưa được 52 tin bài, thu hút 4.558.114 lượt người theo dõi; Trang thông tin điện tử của các xã, thị trấn đã đưa được 624 tin, bài và phát lại trên hệ thống đài truyền thanh là 2.137 lượt tin để tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

b) Tồn tại, hạn chế:

Một số đơn vị nội dung các tin bài tuyên truyền về chuyển đổi số chưa được đa dạng, phong phú nên chưa thu hút được nhiều người quan tâm.

10. Kinh phí thực hiện

- Việc bố trí cơ sở vật chất, kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số; năm 2024 huyện bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ chuyển đổi số, gồm:

- + Kinh phí phòng học thông minh: 2.600.000.000đ (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng)
- + Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật CSDL phần mềm: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)
- + Nâng cấp phòng họp trực tuyến: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng)
- + Tập huấn và ra mắt các mô hình chuyển đổi số: 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng)
- + Trang bị máy Scan và máy tính tại bộ phận Một cửa cho các xã, thị trấn (mỗi đơn vị 01 máy Scan và 02 máy tính): 1.060.288.000 (Một tỷ không trăm sáu mươi triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng)

Tổng: 3.860.288.000đ (Ba tỷ tám trăm sáu mươi triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng)

- Chưa có hướng dẫn cụ thể về việc chi kinh phí về chuyển đổi số, chế độ chính sách cho Tổ CNS cộng đồng, hỗ trợ đầu tư đài truyền thanh thông minh cho các xã, thị trấn hoàn thành chuyển đổi số.

PHẦN II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Nghị quyết số 214/2022/HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND về ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2026;

Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 16/5/2022 về phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, kinh tế số và xã hội số;

Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 04/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về đẩy mạnh bảo đảm an toàn thông tin mạng và triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Quyết định số 4216/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025;

Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 03/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Chương trình số 54/CTr-UBND ngày 03/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện Chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 21/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện “Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 25/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Truyền thông thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về ban hành kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng quốc gia về quản trị và kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về ban hành kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Yên Định về chuyển đổi số trên địa bàn huyện Yên Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 27/8/2020 của UBND huyện Yên Định về việc Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025;

Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến

năm 2025, định hướng đến năm 2030 được ban hành theo Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND huyện Yên Định;

Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 01/7/2022 của UBND huyện Yên Định về việc Triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Yên Định;

Kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 09/10/2023 của UBND huyện Yên Định về việc Phát triển hạ tầng số trên địa bàn huyện Yên Định giai đoạn 2023 – 2025;

Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 29/03/2024 của UBND huyện Yên Định về việc Thực hiện Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn huyện Yên Định.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Duy trì thực hiện Chuyển đổi số tổng thể và toàn diện từ cơ quan nhà nước, đến người dân, doanh nghiệp; sử dụng triệt để các nền tảng số ở cả 03 trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Khuyến khích đầu tư hạ tầng phục vụ chuyển đổi số đồng bộ từ cấp huyện đến cấp xã; xây dựng Chính quyền số hoạt động hiệu quả, gắn với phát triển đô thị thông minh, kinh tế số, xã hội số, cải cách hành chính. Phân đấu đến năm 2025 huyện Yên Định nằm trong nhóm 10 huyện, thị xã, thành phố dẫn đầu cả tỉnh về chuyển đổi số.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả hoạt động

- 100% các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn huyện được kết nối liên thông giữa các cơ quan qua Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc để trao đổi văn bản điện tử.

- Duy trì 100% lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn huyện chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử; 100% các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử (trừ văn bản có hồ sơ mật theo quy định).

- 60% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% dữ liệu mở phục được cung cấp phục vụ phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- 100% số cuộc họp có thể triển khai thực hiện qua Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến;

- 100% dịch vụ công có đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình (mức độ 4).

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tham gia các khóa học về chuyển đổi số trên nền tảng đào tạo trực tuyến đại trà.

- Hoàn thành Chuyển đổi số cấp huyện tại Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025.

2.2. Phát triển Hạ tầng số

- Tiếp tục duy trì hạ tầng kỹ thuật phục vụ hệ thống Hội nghị trực tuyến đồng bộ ở cả 03 cấp chính quyền.

- Tỷ lệ hộ gia đình kết nối Internet băng rộng đạt trên 85%.

2.3. Ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

- 100% cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số.

- 100% công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia và của tỉnh; hồ sơ dữ liệu điện tử được tạo, lưu giữ, chia sẻ theo quy định.

- 95% người dân, doanh nghiệp trở lên hài lòng với kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước.

2.4. Phát triển Kinh tế số.

- 100% doanh nghiệp sản xuất, cung cấp các sản phẩm nông nghiệp có gắn mã QR truy xuất nguồn gốc.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 90%.

- 100% doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, làng nghề, hộ kinh doanh được tiếp cận chương trình hỗ trợ chuyển đổi số;

2.5. Phát triển Xã hội số.

- 60% dân số trưởng thành có chữ ký số;

- 55% dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 85% người dân sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử.

- 70% người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản.

- 100% trường tiểu học, THCS, THPT và các cơ sở bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn.

- 75% người dân trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã, thị trấn được tập huấn, phổ biến về các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số, các kỹ năng số cơ bản.

2.6. Bảo đảm an toàn thông tin

- Tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai đồng bộ, toàn diện công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, trọng tâm là bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp, trong đó 100% các cơ quan, đơn vị được phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn hệ thống thông tin phải triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ, 100% các trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước gắn nhãn tín nhiệm mạng.

- Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin theo quy định.

III. NHIỆM VỤ

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

1.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

a) Tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước về tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành trên địa bàn huyện;

b) Trên cơ sở các chương trình/đề án/kế hoạch, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các phòng chuyên môn theo lĩnh vực, nhiệm vụ được giao tham mưu xây dựng và ban hành các Chương trình, Kế hoạch, phổ biến các chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số tại địa phương.

c) Phòng Văn hóa và Thông tin thường xuyên rà soát, kịp thời tham mưu các Quyết định kiện toàn, thay đổi các thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của huyện để đảm bảo việc phân công, phụ trách theo dõi các ngành, lĩnh vực và các địa phương trên địa bàn huyện; tham mưu ban hành “Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện năm 2025” cũng như triển khai các nhiệm vụ mà Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh giao cho; xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng các kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho CBCC, viên chức, người lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp trên địa bàn huyện (thực hiện trong Quý I, năm 2025).

d) Văn phòng HĐND và UBND huyện chủ trì phối hợp với phòng văn hóa và Thông tin định kỳ hằng quý, tham mưu Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện tổ chức Hội nghị triển khai công tác và hội nghị chuyên đề đối với các chương trình, kế hoạch triển khai các mô hình chuyển đổi số; tham dự các Hội nghị trực tuyến với Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh theo các chương trình, kế hoạch.

e) Các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện; các cơ quan đơn vị trên địa bàn huyện; UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện theo lĩnh vực, nhiệm vụ được

phân công chủ trì, phụ trách chủ động rà soát, đôn đốc thực hiện các chỉ tiêu đề ra trong các kế hoạch quan trọng về chuyển đổi số trên địa bàn huyện theo giai đoạn đến 2030 và hàng năm như: Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch Phát triển doanh nghiệp công nghệ số huyện Yên Định đến năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch thực hiện Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch phát triển Hạ tầng số trên địa bàn huyện giai đoạn 2023-2025, cùng nhiều các kế hoạch liên quan.

f) Trung tâm VH,TT,TT&DL huyện; UBND các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, triển khai Kế hoạch chuyển đổi số trên các Trang thông tin điện tử, hệ thống Đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã.

g) Thường xuyên chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số trên địa bàn, trên kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia trên zalo và trên trang Câu chuyện Chuyển đổi số <https://t63.mic.gov.vn>, trên các nhóm zalo của cơ quan, đơn vị và tổ công nghệ số cộng đồng.

1.2. Về kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

a) Phòng Văn hóa và Thông tin (*cơ quan thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện*):

+ Căn cứ tình hình thực tế, kết quả đạt được của các đơn vị đến năm 2024, tham mưu cho UBND huyện ban hành kế hoạch kiểm tra công tác triển thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của các đơn vị trên địa bàn huyện, năm 2025 (hoàn thành trong Quý I, năm 2025);

+ Tham mưu Quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số cho các xã, thị trấn năm 2024 (Quý I, năm 2025); Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra công tác triển khai, thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn huyện, năm 2025 (hoàn thành trong Quý II, năm 2025).

+ Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các đợt kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị triển khai nhiệm vụ, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu theo các kế hoạch (theo kế hoạch kiểm tra).

b) Các đơn vị định kỳ hằng Quý (trước ngày 20 tháng cuối cùng của Quý) gửi các báo cáo về Ban chỉ đạo chuyển đổi số huyện để tổng hợp, theo dõi.

c) Thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện căn cứ nhiệm vụ được giao trong Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện, thường xuyên theo dõi, đôn đốc các đơn vị, ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách định kỳ hoặc khi có yêu cầu báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc cần tháo gỡ.

d) Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện tiến hành đánh giá, chấm điểm, xếp hạng mức độ hoàn thành chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã năm 2025 (thực hiện trong tháng 12/2025); tham mưu cho Ban Chỉ đạo giải pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của các đơn vị, ngành liên quan trên địa bàn huyện; tham mưu điều chỉnh các chỉ tiêu các kế hoạch giai đoạn đã ban hành để phù hợp với tình hình mới, bám sát thực tiễn (thường xuyên).

2. Thể chế, chính sách.

a) Xây dựng và ban hành quy định về phát triển hạ tầng thông tin cho chính quyền số, đảm bảo việc xây dựng, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin của chính quyền số tương thích với khung công nghệ và các nguyên tắc xây dựng chính quyền số.

b) Xây dựng các chương trình, kế hoạch gắn với chính sách khuyến khích người dân và doanh nghiệp thực hiện các giao dịch điện tử, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng công nghệ, dịch vụ thông minh vào cuộc sống để nâng cao chất lượng sinh hoạt, học tập và làm việc.

c) Đẩy mạnh thực hiện hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo hướng dẫn tại Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

3. Phát triển hạ tầng số.

a) Khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn huyện, ưu tiên phát triển tại các khu công nghiệp, các điểm du lịch, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện,...; phát triển hạ tầng mạng 5G; phổ cập thuê bao cáp quang tại các hộ gia đình;...

b) Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, mua sắm thay thế những thiết bị đã cũ, lạc hậu đáp ứng mặt bằng CNTT trong các cơ quan hành chính nhà nước từ huyện đến xã. Duy trì tỉ lệ 100% CBCC, VC từ huyện đến xã được trang bị máy tính làm việc. Đảm bảo 100% máy tính kết nối mạng LAN, mạng diện rộng và Internet.

c) Đảm bảo 100% các Hệ thống Camere giám sát tại các xã, thị trấn kết nối về UBND hoặc Công an xã, thị trấn hoạt động hiệu quả.

4. Phát triển nhân lực số

a) Phòng Nội vụ chủ trì tham mưu UBND huyện đảm bảo: Văn phòng HĐND và UBND huyện có cán bộ chuyên trách CNTT trình độ đại học trở lên làm nhiệm vụ quản trị hệ thống, triển khai các ứng dụng CNTT tại cơ quan UBND huyện; Phòng Văn hóa và Thông tin được bố trí 01 CBCC có trình độ chuyên môn về CNTT từ đại học trở lên thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về CNTT trên địa bàn huyện, tham mưu các nhiệm vụ chuyển đổi số tại phòng chuyên môn;

b) UBND các xã, thị trấn ưu tiên bố trí nhân lực có kiến thức, kỹ năng tốt về CNTT triển khai để triển khai các ứng dụng CNTT tại cơ quan UBND và các nhiệm vụ chuyển đổi số tại địa phương.

c) Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đảm bảo cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng (hình thức trực tiếp và trực tuyến) do tỉnh tổ chức nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ về triển khai các hoạt động chuyển đổi số; an toàn, an ninh mạng; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng trực tiếp cho cán bộ, công chức, viên chức tại nơi làm việc (theo hình thức "cầm tay chỉ việc") về kỹ năng số, khai thác các ứng dụng CNTT, đảm bảo tất cả các CB, CC sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng được triển khai góp phần ứng dụng CNTT phục vụ phát triển chính quyền số đồng bộ từ huyện đến xã.

d) UBND các xã, thị trấn phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho người dân, cộng đồng doanh nghiệp để khai thác, sử dụng các nền tảng số, các dịch vụ số do chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp (hoàn thành trước tháng 12 năm 2025).

e) Phòng Văn hóa và Thông tin tham mưu cho Ban Chỉ đạo tổ chức các đợt tham quan, học tập kinh nghiệm cho các CBCC cấp huyện, cấp xã thực hiện tham mưu các nhiệm vụ chuyển đổi số, thành viên các Tổ công nghệ số cộng đồng về các mô hình chuyển đổi số, các cách làm hay, thiết thực đang được triển khai hiệu quả tại các địa phương trong huyện, trong tỉnh (thực hiện trong Quý II hoặc Quý III năm 2025).

5. Phát triển dữ liệu số

a) Phối hợp với các ngành cấp trên trong việc rà soát, cập nhật, bổ sung các dữ liệu vào các cơ sở dữ liệu theo ngành, lĩnh vực;

b) Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và tái sử dụng dữ liệu số hóa trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP).

c) Duy trì các dữ liệu mở cấp huyện trên cổng dữ liệu mở của tỉnh phục vụ các cơ quan, đơn vị khai thác và sử dụng.

d) Phối hợp với các đơn vị có liên quan khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu của tỉnh và của quốc gia; bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tuân thủ theo Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử 2.0 của tỉnh.

6. An toàn thông tin mạng

a) Triển khai rà soát, củng cố, hoàn thiện phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt đối với 29/29 Hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Đảm bảo 100% các hệ thống thông tin của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; đảm bảo các hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ về trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật, nhân lực vận hành an toàn thông tin tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện

d) Phối hợp với Sở Thông tin & Truyền thông tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, tổ chức và người dân trên địa bàn huyện.

7. Chính quyền số

7.1. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

a) Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, xác định mục tiêu phù hợp với điều kiện thực tiễn, phấn đấu trung bình đạt tỷ lệ 90% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình; 80% hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình.

b) Thực hiện rà soát, cập nhật, nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp DVC trực tuyến.

c) Triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID.

d) Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.

7.2. Triển khai quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số:

a) Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu số các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị, địa phương để đưa các hoạt động chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội lên môi trường số; ưu tiên chuyển đổi số theo chương trình chuyển đổi số quốc gia như: y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải, logistic, năng lượng, tài nguyên môi trường, sản xuất, lao động việc làm, an sinh xã hội, xuất nhập cảnh, hộ kinh doanh, doanh nghiệp, quản lý di sản, văn hóa,...

b) Triển khai các nền tảng, hệ thống, phần mềm theo dõi, quản lý giám sát phục vụ hoạt động quản lý, điều hành của lãnh đạo.

c) Tăng cường đầu tư tái cấu trúc hạ tầng CNTT của các cơ quan, đơn vị theo lộ trình; chuyển đổi hạ tầng CNTT thành hạ tầng số; ứng dụng công nghệ

điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

7.3. Triển khai, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của CBCC:

Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động theo lộ trình của Sở Thông tin và Truyền thông.

8. Kinh tế số và xã hội số

8.1. Về kinh tế số:

a) Đẩy mạnh việc ứng dụng các nền tảng số trong doanh nghiệp; hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

b) Phối hợp với các đơn vị có liên quan hỗ trợ, hướng dẫn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ sản xuất nông nghiệp... cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, các sàn thương mại điện tử (buudien.vn, ...), giới thiệu, quảng bá sản phẩm, dịch vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh trên môi trường số.

c) Cơ quan Thuế cung cấp các dịch vụ thuế điện tử hỗ trợ việc kê khai, nộp thuế theo phương thức điện tử; triển khai các giải pháp về hóa đơn điện tử đối với hoạt động thương mại điện tử, livestream bán hàng trên các nền tảng công nghệ số.

d) Ứng dụng các giải pháp công nghệ về trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản mang lại năng suất và giá trị kinh tế cao; kết nối ứng dụng công nghệ số giữa các hợp tác xã với vùng trồng nông nghiệp, cơ sở sản xuất chế biến và các kênh số tiêu thụ nông sản.

e) Tổ chức tuyên truyền vận động các doanh nghiệp tiếp cận các chương trình, nội dung về chuyển đổi số cho doanh nghiệp do Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai cũng như các nội dung, nhiệm vụ mà Chủ tịch UBND tỉnh đã giao tại Chương trình số 54/CTr-UBND ngày 03/3/2022.

g) Thực hiện truyền thông về mô hình chuyển đổi số thành công của doanh nghiệp để làm bài học kinh nghiệm, lan tỏa trong cộng đồng doanh nghiệp.

8.2. Về xã hội số:

a) Thực hiện các hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản như: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, mua bán trực tuyến, phản ánh, tương tác với chính quyền, kiến thức về an toàn thông tin ...

b) Tiếp tục triển khai hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng để tiếp tục hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản như: (1) Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; (2) Mua sắm trực tuyến; (3) Thanh toán trực tuyến; (4) Tự bảo vệ mình trên không gian mạng. Ngoài ra, hướng dẫn thêm kỹ năng số cơ

bản khác như sử dụng nền tảng số đặc thù của địa phương trong các lĩnh vực: (1) Nông nghiệp, (2) Du lịch, (3) Y tế, (4) Giáo dục, (5) văn hóa...

c) Phổ cập kỹ năng số, phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc khuyến khích, hướng dẫn người dân sử dụng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà; tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại. Khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi người dân được học tập, nghiên cứu mọi lúc, mọi nơi, mọi thời điểm.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin.

a) Thực hiện các hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ người dân tham gia các hoạt động trên môi trường số một cách sâu rộng, đa dạng về hình thức và nội dung, như: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, mua bán trực tuyến, phản ánh, tương tác với chính quyền, kiến thức về an toàn thông tin.

b) Đẩy mạnh số hoá hồ sơ, văn bản, tài liệu, hình thành các kho dữ liệu điện tử của huyện; từng bước cung cấp dữ liệu mở nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp, nhân dân tiếp cận, khai thác thông tin.

c) Tập trung phổ cập các kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số đến mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện thông qua hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương, trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

Rà soát kiện toàn BCD chuyển đổi số khi có thay đổi, đáp ứng các điều kiện và tình hình mới; gắn kết với cải cách hành chính; ban hành chương trình, kế hoạch hoạt động, kiểm tra, đánh giá chỉ đạo của BCD.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCC, người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân. Đa dạng hóa hình thức thông tin tuyên truyền như: xây dựng chuyên mục, phóng sự, hội thảo, hội nghị, các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi các hoạt động ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của huyện; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học; ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Ưu tiên phát triển, thu hút nhân lực chuyển đổi số tại chỗ bằng các chính sách đãi ngộ trong tuyển dụng, chuyển ngạch, nâng ngạch, ...

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức đào tạo, tập huấn cho lãnh đạo và cán bộ phụ trách Công nghệ thông tin của các cơ quan quản lý Nhà nước trên địa bàn huyện về xây dựng và triển khai Chính quyền số; công tác quản lý Nhà nước lĩnh vực chuyển đổi số; tổ chức, triển khai thực hiện các chương trình, dự án chuyển đổi số;

- Cung cấp thông tin, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các ứng dụng số trong giao tiếp với các cơ quan hành chính Nhà nước; nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp về lợi ích, hiệu quả đem lại của Chính quyền số.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ về công tác chuyển đổi số, các kiến thức chuyên sâu về quản trị mạng, quản trị hệ thống, công tác đảm bảo an toàn thông tin.

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

Bố trí, sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, các nguồn hợp pháp khác theo quy định; có quy định, quy trình quản lý, sử dụng hiệu quả.

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức

- Tổ chức các đợt thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm tại các đơn vị, tổ chức trong và ngoài huyện, tỉnh có cách làm hay, hiệu quả về các hoạt động chuyển đổi số cho đội ngũ CBCC cấp huyện, cấp xã, thành viên Tổ CNSCĐ .

- Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, Viện thông tin Yên Định khảo sát, đánh giá mức độ đảm bảo an toàn thông tin các Hệ thống thông tin của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn huyện.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách hỗ trợ của tỉnh, ngân sách huyện và nguồn huy động hợp pháp khác.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo phụ lục 03: Danh mục các dự án, nhiệm vụ triển khai mới năm 2025)

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hoá và Thông tin huyện

- Là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số huyện có trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; báo cáo UBND huyện, Sở Thông tin và Truyền thông kết quả thực hiện về chuyển đổi số trên địa bàn huyện.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan báo chí truyền thông triển khai công tác thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng thông tin điện tử/Trang thông tin điện tử, mạng xã hội và các hình thức phù hợp khác để các cấp, các ngành, đông đảo người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia thực hiện.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành nghiên cứu, cập nhật, bổ sung các nội dung, nhiệm vụ thuộc Kế hoạch, Chương trình chuyển đổi số của các phòng, ban do tỉnh, các sở ngành liên quan giao cho đơn vị phối hợp hoặc chủ trì thực hiện.

- Chủ trì phối hợp với các phòng, ban, ngành, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tại Phụ lục 3 của Kế hoạch.

2. Văn phòng HĐND&UBND huyện

- Tham mưu cho UBND huyện triển khai số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số phục vụ công tác báo cáo, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo tỉnh.

- Vận hành có hiệu quả hệ thống Hội nghị trực tuyến, Phòng họp không giấy tờ tại UBND huyện, đảm bảo kết nối các cuộc họp từ Trung ương đến cơ sở.

- Phối hợp với Trung tâm ứng cứu sự cố tỉnh thực hiện việc diễn tập ứng cứu sự cố an toàn an ninh thông tin hàng năm; chịu trách nhiệm vận hành hệ thống an toàn, an ninh thông tin mạng nội bộ UBND huyện.

3. Phòng Nội vụ

- Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin, Văn phòng HĐND và UBND huyện, các ban, ngành đoàn thể lựa chọn, vinh danh, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến về chuyển đổi số.

- Nghiên cứu, tham mưu đưa kết quả triển khai chuyển đổi số của các cơ quan, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn là một tiêu chí đánh giá thi đua khen thưởng trách nhiệm người đứng đầu về kết quả hoàn thành nhiệm vụ.

- Chịu trách nhiệm triển khai ứng dụng phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; phần mềm quản lý thi đua khen thưởng; số hóa hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, tích hợp dữ liệu với sở, ngành, chủ quản.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Chủ trì, tham mưu cho UBND huyện thực hiện đồng bộ, kịp thời các cơ chế chính sách, nguồn kinh phí để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp và các lĩnh vực chuyển đổi số được ưu tiên của kế hoạch này.

- Phối hợp với Hiệp hội doanh nghiệp huyện thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa theo các kế hoạch tỉnh, huyện đã ban hành.

5. Phòng Kinh tế - Hạ tầng

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy thương mại điện tử,

phát triển thương mại số, chuyển đổi số ngành Công Thương, đặc biệt là thương mại điện tử vùng nông thôn, đưa các sản phẩm nông nghiệp của bà con nông dân buôn bán, cung cấp hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử.

6. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với phòng Kinh tế - Hạ tầng, phòng Văn hóa và Thông tin, Bưu điện huyện và các đơn vị liên quan đưa các sản phẩm nông nghiệp đạt chứng nhận sản phẩm OCOP, các sản phẩm lợi thế, thế mạnh trên địa bàn huyện được quảng bá, giới thiệu trên môi trường mạng Internet; 100% các sản phẩm OCOP giao dịch trên các sàn thương mại điện tử.

7. Các phòng, đơn vị trực thuộc UBND huyện

- Có trách nhiệm phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch đảm bảo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã năm 2025.

- Phối hợp với Phòng Văn hoá và Thông tin khi tổ chức triển khai các dự án chuyển đổi số theo quy định hiện hành; tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức của CBCC về nền tảng số, các cơ sở dữ liệu đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; xây dựng Chính quyền số hoạt động hiệu quả, gắn với phát triển đô thị thông minh, kinh tế số, xã hội số, cải cách hành chính.

- Triển khai, thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

8. Công an huyện

Chủ trì triển khai thực hiện hiệu quả đảm bảo tiến độ được giao đối với các nội dung thuộc Đề án 06 trên địa bàn huyện.

9. Trung tâm Văn hóa, thông tin, Thể thao và Du lịch

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tăng cường phát thanh nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch Chuyển đổi số đến toàn thể nhân dân trên địa bàn huyện.

- Xây dựng phóng sự, tin, bài tuyên truyền về Chuyển đổi số của huyện trọng tâm là phát triển chính quyền số, kinh tế số và nhiệm vụ chuyển đổi số với cải cách hành chính nhằm phục vụ người dân và doanh nghiệp; hàng tuần thực hiện việc đăng tải các tin, bài, nội dung về chuyển đổi số của huyện trên trang thông tin điện tử tại chuyên mục “Chuyển đổi số”.

10. UBND các xã, thị trấn

- Căn cứ hướng dẫn xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 tại Công văn số 4153/UBND-VHTT ngày 02/10/2024 của UBND huyện, xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 cho đơn vị phù hợp với tình hình của địa phương.

- Thường xuyên rà soát kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tại đơn vị khi có sự thay đổi; đưa nội dung ứng dụng, phát triển Công nghệ số vào các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin huyện tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức cho người dân trong độ tuổi lao động về các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số trên môi trường mạng; ứng dụng công nghệ số trong các ngành, lĩnh vực; quảng bá, bán sản phẩm trên mạng,..

- Chủ động xây dựng dự toán kinh phí cho Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm trong nhiệm vụ chi ngân sách của đơn vị theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

11. Đề nghị các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn huyện

- Chủ động triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ về phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số của Kế hoạch này.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

- Phối hợp với phòng Văn hóa và Thông tin triển khai các giải pháp, công nghệ mới, mô hình mới ứng dụng cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn huyện Yên Định, UBND huyện yêu cầu các phòng, ban, đơn vị liên quan và UBND xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Thông tin và Truyền thông (để b/c);
- Sở Lao động TB&XH - Thành viên BCD CDS tỉnh (để b/c);
- TTr Huyện ủy, HĐND huyện (để b/c);
- Ban Thường vụ Huyện ủy (để b/c);
- MTTQ và các đoàn thể chính trị huyện;
- Trưởng các phòng, ban chuyên môn huyện (để t/h);
- UBND các xã, thị trấn (để t/h);
- Các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn huyện (để t/h);
- Lưu VT, VHTT;

CHỦ TỊCH

Phạm Tiến Dũng

Phụ lục 1:
Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /10/2024 của Chủ tịch UBND huyện Yên Định)

TT	Các chỉ tiêu	Đánh giá	Kết quả thực hiện
I	<i>Phát triển hạ tầng số</i>		
1	Hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh được triển khai trên nền tảng điện toán đám mây.	Triển khai theo HD	Dùng chung khi tỉnh triển khai.
2	Tiếp tục duy trì triển khai hạ tầng kỹ thuật phục vụ Hội nghị trực tuyến đồng bộ 03 cấp từ cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối với Hệ thống Hội nghị trực tuyến quốc gia	Đạt	Toàn huyện có hơn 28 điểm cầu hội nghị trực tuyến
3	Tỷ lệ hộ gia đình kết nối Internet băng rộng đạt trên 85%.	Đạt	Tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang và di động đạt 95%
4	Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu: điện; tài nguyên môi trường; an ninh-trật tự...	Đạt	Đã triển khai CSDL đất đai từ năm 2015; Camera an ninh đến từng thôn, xã, lắp đặt hệ thống Wifi tại bộ phận 1 cửa, nhà văn hóa thôn, các khu di tích, điểm du lịch....
II	<i>Ứng dụng CNTT trong các CQNN</i>		
5	Duy trì 100% các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường mạng (trừ văn bản có hồ sơ mật theo quy định)	Đạt	100% các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường mạng
6	30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Đạt	60% (Các nội dung: Kiểm tra ATTP, chuyển đổi số, cập nhật tin bài trên các trang TTĐT,...)
7	Số lượng xã, phường, thị trấn được công nhận chuyển đổi số cấp xã” (chỉ tiêu theo Quyết định số 969/QĐ-UBND):	Đạt	Năm 2022: 04/4 xã; năm 2023: Huyện đang trình hồ sơ của 12 xã cho cơ quan thẩm định là Sở TT&TT (chỉ tiêu được tỉnh giao là 06 xã).
	Được công nhận chuyển đổi số cấp huyện” (chỉ tiêu theo Quyết định số 969/QĐ-UBND):	Đang triển khai	Năm 2025 phấn đấu hoàn thành chuyển đổi cấp huyện
8	90% cơ quan nhà nước cấp tỉnh, UBND cấp huyện tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.	Đạt	UBND huyện đã cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số tại địa chỉ: https://opendata.thanhhoa.gov.vn

9	100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	Đạt	Phối hợp tổ chức cho 393/393 học viên là cán bộ công chức, viên chức trực tiếp và trên nền tảng MOOCs; 690 thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng, BCD chuyển đổi số cấp xã
III	<i>Ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp</i>		
10	100% các TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và được cung cấp trên các phương tiện truy cập khác nhau	Đạt	Thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 130 thủ tục; DVCTT một phần là 112 thủ tục; đã cung cấp trên Cổng DVC 242, đạt 100%.
11	100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt hợp nhất.	Đạt	100%
12	Tối thiểu 95% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC	Đạt	98,33%
13	TTHC của các cơ quan nhà nước được cắt giảm so với hiện nay tối thiểu 20%	Đạt	30%
IV	<i>Phát triển Kinh tế số</i>		
14	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%	Đạt	Đạt 24% (<i>Đề nghị Sở Công Thương, Sở Thông tin và truyền thông có hướng dẫn cụ thể hơn cho UBND cấp huyện</i>)
15	Tỷ trọng kinh tế số ” đạt 20%	Chờ HD	Chưa hướng dẫn cách tính
16	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 50%.	Đang triển khai	Đạt 29,54% (<i>có 153/518 doanh nghiệp sử dụng</i>)
17	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 30%	Đạt	100% các doanh nghiệp đã sử dụng nền tảng kế toán của Misa; sử dụng chữ ký số điện tử để thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.
18	Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số” (<i>chỉ tiêu 2%</i>):	Đạt	Đạt 4,1% (<i>có 4.228/103.081 nhân lực lao động kinh tế số</i>)
V	<i>Thúc đẩy xây dựng Xã hội số</i>		
19	80% người dân trong độ tuổi lao động có điện thoại thông minh	Đạt	Đạt 86,96% (<i>99,525/114,453 người trưởng thành có điện thoại thông minh</i>)
20	70% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép	Đạt	75,14% (<i>có 91,083/121,227 người có tài khoản</i>)

	khác.		
21	50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.	Đang triển khai	33,71%. (có 34.731/103.021 người)
22	60% người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản”.	Đạt	Đạt 65,02% (66.983/103.081 người lao động).
23	90% trường tiểu học, THCS, THPT và các cơ sở bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn”.	Đạt	100%
24	60% người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản	Đạt	61% (Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng Internet có chính sách hỗ trợ người dân)
25	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%	Đạt	Trên 96,59% (có 164.870/170.698 người có)
26	20% dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa”	Đạt	Đạt 40%.
27	70% các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở”	Đạt	Đạt 100% (có 01 Trung tâm GDTX).
28	60% các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở”.	Đạt	Đạt 100% (GDTX:1, MN: 28, TH: 26, THCS: 27, THPT: 04).
VI	Bảo đảm an toàn thông tin		
29	100% các hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ trước ngày 01/6/2023	Đạt	Đạt 100% (30/30 đơn vị được phê duyệt hồ sơ cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ)
30	100% các cơ quan nhà nước gán nhãn tín nhiệm mạng trên cổng/trang thông tin điện tử.	Đạt	Đạt 100% (có 27/27 Trang thông tin điện tử)
31	Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin theo quy định	Đạt	Đã đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin theo quy định cho 30 hệ thống.
32	Tổ chức diễn tập thực chiến tối thiểu 01 lần/năm đối với hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên	Đạt	Cấp huyện (hệ thống thông tin cấp độ 2) không thực hiện.

Phụ lục 02:
DANH MỤC CÁC VĂN BẢN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /10/2024 của Chủ tịch UBND
huyện Yên Định)

STT	Trích yếu nội dung	Số Chỉ thị, Quyết định, Kế hoạch	Ngày, tháng, năm ban hành
I	Báo cáo		
1	Tổng hợp số liệu về tổ chức bộ máy về chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Yên Định	Số 28/BC-UBND	24/01/2024
2	Kết thi hành các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về dữ liệu trên địa bàn huyện	Số 52/BC-UBND	05/02/2024
3	Triển khai nền tảng họp trực tuyến đến các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc huyện và đến từng thiết bị cá nhân trên địa bàn huyện	Số 84/BC-UBND	01/3/2024
4	Tình hình ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn huyện Yên Định, năm 2024	Số 116/BC-UBND	23/3/2024
5	Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh về triển khai thúc đẩy phát triển thương mại điện tử dựa trên Nền tảng sàn thương mại điện tử, Quý I - năm 2024, trên địa bàn huyện Yên Định	Số 118/BC-UBND	25/3/2024
6	Kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số quý I - năm 2024, phương hướng nhiệm vụ quý II - năm 2004	Số 122/BC-UBND	26/3/2024
7	Kết quả chuyển đổi số 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 trên địa bàn huyện Yên Định	Số 250/BC-UBND	12/6/2024
8	Kết quả thực hiện xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số Doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số	Số 268/BC-UBND	18/6/2024
9	Tình hình thực hiện các nhiệm vụ chuyển	Số 289/BC-UBND	21/6/2024

STT	Trích yếu nội dung	Số Chỉ thị, Quyết định, Kế hoạch	Ngày, tháng, năm ban hành
	đổi số trên địa bàn huyện Yên Định năm 2024 (kết quả tính đến ngày 15/6/2024)		
10	Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh về triển khai thúc đẩy phát triển thương mại điện tử dựa trên Nền tảng sàn thương mại điện tử, Quý II - năm 2024, trên địa bàn huyện Yên Định	Số 300/BC-UBND	25/6/2024
11	Tình hình ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn huyện Yên Định, Quý II- năm 2024	Số 301/BC-UBND	25/6/2024
12	Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Yên Định, Quý II - năm 2024	Số 302/BC-UBND	25/6/2024
13	Kết quả triển khai Mô hình “3 KHÔNG” và các Mô hình Chuyển đổi số trên địa bàn huyện Yên Định, 6 tháng đầu năm 2024	Số 306/BC-UBND	26/6/2024
14	Kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2024 và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm	Số 09/BC-BCĐ	09/7/2024
15	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn huyện Yên Định, năm 2024 (kết quả tính đến tháng 8/2024)	Số 417/BC-UBND	26/8/2024
16	Kết quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn huyện Yên Định	Số 25/BC-UBND	09/9/2024
17	Kết quả thực hiện kế hoạch 118/KH-BCĐ của BCĐ chuyển đổi số tỉnh năm 2024 trên địa bàn huyện Yên Định (đến tháng 8/2024)	Số 11/BC-BCĐ	29/8/2024
II	Quyết định		
1	Thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện Yên Định	Số 3082/QĐ-UBND	08/11/2021

STT	Trích yếu nội dung	Số Chỉ thị, Quyết định, Kế hoạch	Ngày, tháng, năm ban hành
2	Về việc ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo chuyển đổi số huyện Yên Định	Số 01/QĐ-BCĐ CDS	04/3/2021
3	Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU của Ban thường vụ Tỉnh uỷ về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Số 1264/QĐ-UBND	28/4/2022
4	Thành lập các Tiểu ban thuộc Tổ Công tác Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Số 01/QĐ-TCTDA	24/6/2023
5	Về việc thành lập Tổ công tác hướng dẫn triển khai thực hiện thí điểm mô hình “3 KHÔNG” trên địa bàn huyện Yên Định	2922/QĐ-UBND	15/8/2023
6	Về việc Kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện Yên Định.	Số 1592/QĐ-UBND	07/5/2024
7	Về việc kiện toàn Ban biên tập Cổng Thông tin điện tử huyện Yên Định	1816/QĐ-UBND	22/5/2024
8	Về việc thành lập Đoàn kiểm tra công tác triển khai, thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn huyện, năm 2024	Số 06/QĐ-BCĐ	06/6/2024
9	Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Biên tập Cổng Thông tin điện tử huyện Yên Định	01/QĐ-BBT	11/6/2024
10	Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện Yên Định	Số 07/QĐ-BCĐ	18/6/2024
11	Về việc kiện toàn Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện Yên Định	12/QĐ-BCĐ	30/8/2024
III	Kế hoạch		
1	Chuyển đổi số trên địa bàn huyện Yên Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Số 127/KH-UBND	31/12/2020
2	Nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện	Sô 32 /KH-UBND	21/2/2022
3	Triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn	Số 106/KH-	01/7/2022

STT	Trích yếu nội dung	Số Chỉ thị, Quyết định, Kế hoạch	Ngày, tháng, năm ban hành
	huyện Yên Định.	UBND	
4	Kế hoạch Phát triển doanh nghiệp công nghệ số huyện Yên Định đến năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030.	Số 100/KH-UBND	16/5/2023
5	Triển khai thực hiện chuyển đổi số trong chi trả chính sách an sinh xã hội không dùng tiền mặt cho đối tượng người có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn huyện Yên Định	Số 120/KH-UBND	16/6/2023
6	Thực hiện nhập dữ liệu hộ tịch trên nền Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên địa bàn huyện Yên Định	Số 126/KH-UBND	22/6/2023
7	Phát triển hạ tầng số trên địa bàn huyện Yên Định giai đoạn 2023 – 2025.	Số 189/KH-UBND	09/10/2023
8	Chuyển đổi số trên địa bàn huyện Yên Định năm 2024	Số 223/KH-UBND	12/12/2023
9	Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024	Số 227/KH-UBND	22/12/2023
10	Kiểm tra hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các xã, thị trấn năm 2024 trên địa bàn huyện	Số 01/KH-UBND	02/01/2024
11	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn huyện Yên Định, năm 2024	Số 08/KH-UBND	08/01/2024
12	Triển khai thực hiện nhân rộng Mô hình “3 KHÔNG” và các Mô hình Chuyển đổi số trên địa bàn huyện Yên Định	Số 39/KH-UBND	31/01/2024
13	Thực hiện “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn huyện Yên Định năm 2024	số 62/KH-UBND	26/02/2024
14	Bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, thúc đẩy hoạt động của Tổ công nghệ số cộng	Số 85/KH-UBND	11/3/2024

STT	Trích yếu nội dung	Số Chỉ thị, Quyết định, Kế hoạch	Ngày, tháng, năm ban hành
	đồng, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác thông tin cơ sở, phổ cập kỹ năng số cho doanh nghiệp, người dân trên địa bàn huyện Yên Định, năm 2024.		
15	Thực hiện Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn huyện Yên Định	Số 105/KH-UBND	29/3/2024
16	Kiểm tra công tác triển khai, thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn huyện Yên Định - năm 2024.	Số 114/KH-UBND	04/4/2024
17	Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện Yên Định năm 2024	Số 08/KH-BCĐ	18/6/2024
18	Tuyên truyền, hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10 trên địa bàn huyện Yên Định	Số 208/KH-UBND	10/9/2024
IV	Các văn bản chỉ đạo		
1	Triển khai thực hiện bộ tiêu chí chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn huyện đến năm 2025	Số 2127/UBND-VHTT	20/6/2023
2	Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành sớm các mục tiêu Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số, xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện.	Số 2257/UBND-VHTT	29/6/2023
3	Giao hỗ trợ các xã, thị trấn hoàn thành chỉ tiêu chuyển đổi số theo Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.	Số 25/BCĐ	28/9/2023
4	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia	Số 32/UBND-VHTT	04/01/2024
5	Giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp xã năm 2024 trên địa bàn huyện.	Số 330/UBND-VHTT	23/01/2024

STT	Trích yếu nội dung	Số Chỉ thị, Quyết định, Kế hoạch	Ngày, tháng, năm ban hành
6	hướng dẫn triển khai Mô hình “3 KHÔNG” và các Mô hình Chuyển đổi số trên địa bàn huyện, năm 2024	Số 479/UBND-VHTT	06/02/2024
7	Hướng dẫn triển khai thực hiện Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 12/12/2023	Số 512/UBND-VHTT	07/02/2024
8	Giao đảm bảo tiêu chí Doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn các xã, thị trấn huyện Yên Định.	Số 294/UBND-VHTT	23/2/2024
9	Tuyên truyền Kế hoạch chuyển đổi số trên hệ thống đài truyền thanh cơ sở năm 2024.	Số 691/UBND-VHTT	26/2/2024
10	Đề nghị tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng về chuyển đổi số và công tác truyền thông về chuyển đổi số năm 2024	Số 871/UBND-VHTT	06/3/2024
11	Đôn đốc triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn huyện, năm 2024.	Số 1290/UBND-VHTT	01/4/2024
12	Phối hợp triển khai thực hiện Giải pháp thanh toán và chính sách hỗ trợ triển khai thu học phí không dùng tiền mặt trên địa bàn huyện Yên Định qua dịch vụ của Agribank và đối tác Agribank phục vụ hoàn thành tiêu chí trong triển khai Mô hình “3KHÔNG” và chỉ tiêu Chuyển đổi số	Số 1461/UBND-VHTT	10/4/2024
13	Phổ biến Sổ tay Hướng dẫn tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ (Phiên bản 1.0).	Số 1630/UBND-VHTT	19/4/2024
14	Gán nhãn tín nhiệm mạng cho các Cổng/trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện năm 2024.	Số 1690/UBND-VHTT	24/4/2024
15	Đẩy nhanh việc cung cấp và ứng dụng chữ ký số cá nhân cho người dân để thực hiện các thủ tục hành chính, giao dịch	Số 1799/UBND-VHTT	06/5/2024

STT	Trích yếu nội dung	Số Chỉ thị, Quyết định, Kế hoạch	Ngày, tháng, năm ban hành
	điện tử.		
16	Phân công chỉ đạo thực hiện và cung cấp, nhập liệu văn bản, tài liệu điện tử; thông tin, dữ liệu số phục vụ kiểm chứng đánh giá Bộ tiêu chí chuyển đổi số cấp huyện đến năm 2025 trên địa bàn huyện Yên Định.	Số 1805/UBND-VHTT	06/5/2024
17	báo cáo kết quả triển khai Mô hình “3 KHÔNG” và các Mô hình Chuyển đổi số trên địa bàn huyện, năm 2024.	Số 2588/UBND-VHTT	24/6/2024
18	Đăng ký nhân sự tham gia lớp hướng dẫn thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí và hồ sơ đề nghị thẩm định, thẩm tra, công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cho cấp xã; đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số – năm 2024	Số 2596/UBND-VHTT	25/6/2024
19	Lịch kiểm tra công tác triển khai, thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn huyện Yên Định - năm 2024	Số 09/TB-BCĐ	10/7/2024
20	tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn phần mềm dùng chung cho cán bộ công chức cấp xã do Trung tâm CNTT&TT Thanh Hóa tổ chức, huyện.	Số 3205/UBND-VHTT	03/8/2024
21	giao chủ trì rà soát thực hiện nhiệm vụ kế hoạch hoạt động của BCĐ chuyển đổi số tỉnh năm 2024.	Số 3591/UBND-VHTT	27/8/2024
22	giao triển khai việc xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số.	Số 3601/UBND-VHTT	29/8/2024
23	báo cáo kết quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng	Số 3627/UBND-VHTT	30/8/2024
24	gán nhãn tín nhiệm mạng cho các Cổng/trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện.	Số 3663/UBND-VHTT	30/8/2024
25	rà soát, cung cấp số liệu minh chứng các chỉ tiêu chuyển đổi số về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao (phục vụ Đoàn kiểm tra số 2 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi	Số 3766/UBND-VHTT	07/9/2024

STT	Trích yếu nội dung	Số Chỉ thị, Quyết định, Kế hoạch	Ngày, tháng, năm ban hành
	số tỉnh).		
26	đề nghị cấp nhân tín nhiệm mạng cho Trang thông tin điện tử các xã,, thị trấn trên địa bàn huyện	Số 3766/UBND-VHTT	09/9/2024
27	Báo cáo kết quả chuyển đổi số 09 tháng đầu năm 2024	Số 3787/UBND-VHTT	10/9/2024
28	Cử tham dự và báo cáo tham luận tại Tuần lễ Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2024.	Số 3962/UBND-VHTT	21/9/2024
29	Đề nghị cấp nhân tín nhiệm mạng cho Trang thông tin điện tử các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.	Số 3999/UBND-VHTT	23/9/2024
30	Thúc đẩy hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn huyện	Số 3999/UBND-VHTT	23/9/2024
31	Rà soát, cung cấp thông tin dữ liệu cấp huyện để cập nhật vào công dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Số 4037/UBND-VHTT	24/9/2024
32	Hưởng ứng các hoạt động ngày chuyển đổi số Quốc gia 10/10/2024 trên địa bàn huyện Yên Định.	Số 4094/UBND-VHTT	27/9/2024
33	Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025.	Số 4153/UBND-VHTT	02/10/2024
34	Triển khai Chương trình đào tạo trực tuyến về an toàn thông tin cơ bản cho cơ quan nhà nước trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà năm 2024	Số 4168/UBND-VHTT	04/10/2024
35	Đăng ký, tạo lập tài khoản truy cập, sử dụng và cung cấp dữ liệu trên Cổng dữ liệu mở tỉnh Thanh Hóa.	Số 4198/UBND-VHTT	05/10/2024
36	triển khai thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số tại Hội nghị chuyên đề “Nâng cao hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến”.	Số 4232/UBND-VHTT	07/10/2024

PHỤ LỤC 03:
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI MỖI NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /10/2024 của Chủ tịch UBND huyện Yên Định)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Chủ đầu tư	Quy mô, nội dung thực hiện	Dự kiến TMDT	KP năm 2025	Các văn bản chỉ đạo
1	Tập huấn chuyển đổi số cho cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã; các doanh nghiệp, người dân.	UBND huyện	- Trên địa bàn toàn huyện. - Tăng cường nhận thức về chuyển đổi số, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ công chức.		45	
2	Tuyên truyền Ngày Chuyển đổi số Quốc gia 10/10 năm 2025	UBND huyện	- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia 10/10		45	
3	Triển khai mô hình “Thôn thông minh”, “xã Thông minh”	UBND các xã, thị trấn	Cấp xã, cấp thôn (xã Định Bình, Định Liên, Định Tăng)		70	
4	Triển khai dự án lắp đặt hệ thống đài truyền thanh thông minh	UBND tỉnh	Đầu tư lắp đặt hệ thống đài truyền thanh thông minh cho 12 xã, thị trấn.			Quyết định số 500/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 14/3/2024.

